TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2023/DS-ST
Ngày: 07/06/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Dương
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 06 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 568/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2023/QĐXXST-DS ngày 17/04/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2023/QĐST-DS ngày 12/05/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng W
Địa chỉ: Phường I, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Công ty K, (văn bản ủy quyền lập ngày 12/10/2022).
Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Phạm Trường T, sinh năm: 1994
Địa chỉ: Phường I, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền lập ngày 03/11/2022), (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Đ, sinh năm: 1973, (vắng mặt)
Địa chỉ: Xã G, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2022, các bản tự khai đại diện của nguyên đơn ông Phạm Trường T trình bày:

Ngày 29/11/2019, bà Nguyễn Thị Thanh Đ có ký với Ngân hàng W (Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín

dụng bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 375.978.102 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 320.187.805 đồng (theo thứ tự thanh toán tại Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Ngày 23/10/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tính đến ngày 07/06/2023, bà Điệp còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 73.412.413 đồng, lãi quá hạn: 91.427.688 đồng. Tổng cộng: 164.840.101 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi ngàn một trăm lẻ một đồng).

Do khách hàng trễ hạn trả nợ nên Ngân hàng W khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh Đ trả cho Ngân hàng W toàn bộ số tiền nợ phải trả là: 164.840.101 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi ngàn một trăm lẻ một đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất các bên thỏa thuận. Ông Phạm Trường T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thanh Đ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Ngân hàng W khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Thanh Đ. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Thanh Đ vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Ngân hàng W và bà Nguyễn Thị Thanh Đ được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6] Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Thanh Đ đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Ngân hàng W nhưng bà Đ không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, bà Đ đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó; Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[7] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2019 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, bảng tóm tắt sao kê, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thanh Đ với hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 375.978.102 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 320.187.805 đồng, còn nợ Ngân hàng W tính đến ngày 07/06/2023 là 164.840.101 đồng, trong đó nợ gốc 73.412.413 đồng, nợ lãi quá hạn 91.427.688 đồng.

[8] Bà Nguyễn Thị Thanh Đ đã vi phạm thỏa thuận tại các điều khoản mà hai bên đã giao kết, vi phạm Điều 466 của Bộ Luật dân sự 2015.

Tại Điều 463 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*;

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "*1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật…".

Tại Điều 2 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ: "*… Chủ thẻ là cả chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo*

quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho đơn vị phát hành thẻ mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác …".

Tại khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định nghĩa vụ của chủ thẻ: "2. *Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ …*".

[10] Đối chiếu các quy định như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 07/06/2023 là: 164.840.101 đồng, trong đó nợ gốc 73.412.413 đồng, nợ lãi quá hạn 91.427.688 đồng, đồng thời bị đơn còn có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2019 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng W.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng W.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng W số tiền 164.840.101 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi ngàn một trăm lẻ một đồng) trong đó vốn gốc là 73.412.413 đồng, lãi quá hạn là 91.427.688 đồng.

1.2. Kể từ ngày 08/06/2023, bà Nguyễn Thị Thanh Đ còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2019 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng W thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thanh Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng W theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng W.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thanh Đ chịu 8.242.005 đồng (tám triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn không trăm lẻ năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng W số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.536.457 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0042207 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Lưới